TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HS-ST.
Ngày: 04-10-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Ngô Văn Bình**.

+ Ông **Phạm Văn Nam**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Tuấn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Đông Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2018 đối với:

- *Bị cáo:* **Nguyễn Văn P** - Sinh năm: 1984.

+ Nơi sinh: Tỉnh Bến Tre.

+ Nơi đăng ký HKTT: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bến Tre.

+ Nơi cư trú hiện nay: Ấp E, xã G, huyện M, tỉnh Bến Tre.

+ Trình độ học vấn: 01/12.

+ Nghề nghiệp: Không.

+ Dân tộc: Kinh, quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Không.

+ Con ông Nguyễn Văn L, con bà Nguyễn Thị A.

+ Bị cáo chưa có vợ.

+ Tiền án: Không.

+ Tiền sự: Không.

+ Về nhân thân: Ngày 26/10/2016 bị Công an xã X, huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 34/QĐ-XPHC về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (bị cáo chưa nộp phạt).

+ Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nới cư trú số: 21 ngày 05/6/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

+ Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1/ Anh **Nguyễn Văn Đ** - Sinh năm: 1998; trú tại: ấp E, xã G, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2/ Bà **Nguyễn Thị A** - Sinh năm: 1957; trú tại: ấp E, xã G, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người chứng kiến:*

1/ Ông **Lê Văn T** - Sinh năm: 1977; trú tại: ấp E, xã G, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2/ Ông **Nguyễn Minh K** - Sinh năm: 1974; trú tại: ấp E, xã G, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 19 tháng 4 năm 2018, bị cáo Nguyễn Văn P đi xe khách từ thị trấn N, huyện M, tỉnh Bến Tre đến chân cầu vượt S thuộc Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh nhờ một người đàn ông chạy xe ôm (không rõ họ tên, địa chỉ) mua ma túy tổng hợp (ma túy đá) với số tiền là 900.000đ (chín trăm ngàn đồng), sau đó người đàn ông này giao cho P 07 (bảy) gói ma túy đá gồm 06 (sáu) gói nhỏ và một gói lớn. Khi về đến nhà, P lấy một gói ma túy nhỏ ra sử dụng, còn lại 06 (sáu) gói gồm 01 (một) gói lớn và 05 (năm) gói nhỏ thì P cất giấu vào ví (bóp) đựng tiền của P. Đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 21 tháng 4 năm 2018, P lấy ma túy ra chuẩn bị sử dụng trong phòng ngủ thì bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng Công an xã E, huyện M, tỉnh Bến Tre phát hiện, bắt quả tang và thu giữ:

+ Một cái ví da (bóp) có ký kiệu S.K.L SHENGKALUO, bên trong ngăn nhỏ của cái ví này có 06 (sáu) gói nylon màu trắng, hàn kín bốn cạnh, bên trong mỗi gói có chứa tinh thể màu trắng được niêm phong và ký hiệu là M1;

+ Một giấy chứng minh nhân dân số 321126712 mang tên Nguyễn Văn P và một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (tự chế).

Tại Kết luận giám định số: 1870/C54B ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Phân viện H đã kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 06 (sáu) gói nylon hàn kín được

niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 1,4296 gam, loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT-VKS-HS ngày 15 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về *"Tội tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng.

Những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên lời trình bày như trong giai đoạn điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về: *"Tội tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy: 1,4001 gam Methamphetamine, một cái ví da (bóp) có ký kiệu S.K.L SHENGKALUO và một bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy (tự chế), ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã giao trả cho bị cáo Nguyễn Văn P một giấy chứng minh nhân dân số 321126712 mang tên Nguyễn Văn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các hoạt động tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định được: Bị cáo Nguyễn Văn P đã có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy mà qua giám định là Methamphetamine có khối lượng là 1,4296 gam tại nhà nơi bị cáo đang ở thuộc ấp E, xã G, huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Bản thân bị cáo P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, vi phạm chế độ quản lý của Nhà nước về cất giữ chất ma túy. Bị cáo cất giữ 1,4296 gam Methamphetamine nêu trên để

nhằm mục đích sử dụng nên có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn P đã phạm *"Tội tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với khung hình phạt tù từ 01 (một) năm đến 05 (năm) năm tù. Do vậy việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Trong lượng hình, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Ma túy đã gây tác hại rất lớn và ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe, là một trong những nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm. Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm chặn đứng và đẩy lùi tệ nạn này, nhưng hiện nay tệ nạn này vẫn đang là mối quan tâm, lo lắng của toàn xã hội. Từ đó cho thấy hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội nên cần thiết phải xử lý thật nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật và góp phần có hiệu quả vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy. Tuy nhiên, nhận thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được áp dụng cho bị cáo. Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân không tốt: Ngày 26/10/2016 bị cáo bị Công an xã X, huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (bị cáo chưa nộp phạt). Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục được bị cáo.

[4.2] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ (năm triệu đồng) đến 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 (một) năm đến 05 (năm) năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, chưa có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án gồm có:

[5.1] 06 (sáu) gói nylon, hàn kín, bên trong mỗi gói có chứa tinh thể màu trắng, qua giám định là Methamphetamine, có khối lượng còn lại sau giám định là 1,4001 gam được niêm phong, đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

[5.2] Một cái ví da (bóp) có ký kiệu S.K.L SHENGKALUO và một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (tự chế) là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[5.3] Một giấy chứng minh nhân dân số 321126712 mang tên Nguyễn Văn P, không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nên trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã giao trả cho bị cáo P là phù hợp nên ghi nhận.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về *"Tội tàng trữ trái phép chất ma túy"*, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1) Tịch thu, tiêu hủy: 06 (sáu) gói nylon, hàn kín, bên trong mỗi gói có chứa tinh thể màu trắng, qua giám định là Methamphetamine, có khối lượng còn lại sau giám định là 1,4001 gam được niêm phong; một cái ví da (bóp) có ký kiệu S.K.L SHENGKALUO và một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (tự chế). Các vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

2.2) Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã giao trả cho bị cáo Nguyễn Văn P một giấy chứng minh nhân dân số 321126712 mang tên Nguyễn Văn P theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu lập ngày 13 tháng 6 năm 2018 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre với bị cáo Nguyễn Văn P.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Áp dụng các điều 331, 333, 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Mỏ Cày Nam (Cơ quan CSĐT);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện M, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, T.H.A.H.S, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên